

Số: 1888/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích sử dụng khác;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 362/TTr-SNN ngày 13/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các chủ đầu tư nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(có Phương án kèm theo)

Điều 2. Phương án này là cơ sở để các đơn vị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác xây dựng phương án trồng rừng thay thế và nộp tiền khi không có điều kiện tự tổ chức trồng rừng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; các đơn vị nộp tiền trồng rừng thay thế; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 25/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành phương án trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền đối với các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phụ 65 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lô Minh Hùng

PHƯƠNG ÁN

**Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển
rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Thực hiện Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và các Văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong những năm qua, trên địa bàn tỉnh Sơn La đã chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và phải thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế khoảng 2.309,42ha với 61 dự án các loại (*xây dựng thủy điện, khai thác khoáng sản, an ninh quốc phòng, tái định cư, làm đường giao thông, du lịch, ...*).

Để thực hiện tốt việc quản lý công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn toàn tỉnh, ngày 15/10/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành phương án trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền đối với các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND. Tính đến 30/6/2017, toàn tỉnh đã thực hiện trồng rừng thay thế được 1.878,81ha (*Trong đó, tự trồng được 126,64ha; trồng rừng bằng nguồn ngân sách Nhà nước đối với các công trình công cộng được 324,53ha; Nộp tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để trồng rừng được 1.427,64ha*). Diện tích chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế là 430,61ha (*thuộc các dự án như: Thủy điện Nậm Sỏi, Thủy điện Nậm Công, Thủy điện Nậm Chanh, Nậm Trai 3, Nậm Khót, Đường dây 110 KV Sơn La – Sông Mã, Mỏ đồng Sao Tua, ...*) do nhiều nguyên nhân khác nhau như: không thực hiện đúng thời gian nộp tiền theo phương án trồng rừng thay thế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc cố tình không thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế, đã thay đổi chủ đầu tư hoặc tạm dừng dự án,...

Để quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, công tác trồng lại rừng khi chuyển mục đích sử dụng rừng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 về Chương trình

hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Đặc biệt, ngày 11/15/2017, Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được Quốc hội ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Trong đó, có quy định: Không chuyển diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích sử dụng khác trên phạm vi cả nước (*trừ các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, hoặc các dự án phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cần thiết do Thủ tướng Chính phủ quyết định*); Chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên; Số tiền nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh bằng diện tích rừng phải trồng thay thế nhân với đơn giá cho 01 ha rừng trồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tiền đã nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng ở cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đến năm 2020, tỉnh Sơn La cần chuyển 502,17ha rừng tự nhiên, tương đương với 107 dự án (*trong đó nhóm 14 dự án đã được duyệt là 155,65ha; dự án trung hạn đến năm 2020 là 346,52ha*). Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản báo cáo Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn để cho phép được chuyển đổi.

Từ những lý do trên, nhằm thắt chặt công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế; điều tiết việc trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Sơn La. Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Phương án **“Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La để đáp ứng tình hình thực tế về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”**.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Lâm nghiệp năm 2017 (*thay thế Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004*);

Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích sử dụng khác

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 6/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng; Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng đường băng cản lửa trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng áp dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục giống cây trồng Lâm nghiệp khuyến khích sử dụng trồng rừng, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 – 2020);

Căn cứ số 1076/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành giá giống cây trồng phục vụ cho các chương trình, dự án trồng rừng theo quy hoạch, kế hoạch của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong thực hiện trồng rừng thay thế đối với các Chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tăng cường quản lý Nhà nước đối với công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Sơn La theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức chỉ đạo, quản lý, kiểm tra giám sát việc triển khai trồng rừng thay thế. Đồng thời hỗ trợ các đơn vị có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định.

- Tập trung nguồn lực tài chính trồng rừng thay thế cho công tác thiết lập rừng tập trung, liên vùng, liên khoảnh gắn với việc xây dựng vùng nguyên liệu tre, gỗ phục vụ các nhà máy chế biến và xây dựng hệ thống rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

- Là cơ sở pháp lý cho các Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho những năm tiếp theo thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng phương án chung cho trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Điều tiết việc trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ rừng trồng và bàn giao cho các chủ quản lý: 1.878,81ha rừng đã trồng.

- Đến hết năm 2018, hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế và tổ chức trồng rừng thay thế đối với 430,61ha diện tích còn lại và các diện tích rừng được chuyển đổi mục đích sử dụng mới theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Quy mô, địa điểm thực hiện trồng rừng thay thế

- Quy mô diện tích trồng rừng thay thế khoảng 800ha. Diện tích cụ thể được xác định bằng phương án trồng rừng thay thế của các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Địa điểm trồng rừng: tại các huyện thành phố theo điều tiết của tỉnh thuộc đất quy hoạch lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh.

2. Đối tượng, phạm vi thực hiện

a) Đối tượng thực hiện

- Các tổ chức, cá nhân (*gọi tắt là chủ đầu tư*) có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, bao gồm:

+ Chủ đầu tư được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trước năm 2017 nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật (*có hoặc chưa có phương án trồng rừng thay thế được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt*).

Lưu ý: Đối với các đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh (*đã thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác*) nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế hoặc đã thực hiện một phần nghĩa vụ trồng rừng thay thế (*các lần tiếp theo đã đến hạn mà chưa nộp*) thì thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo Phương án này và đơn giá trồng rừng thay thế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành.

+ Chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và có phương án trồng rừng thay thế được UBND tỉnh phê duyệt từ năm 2018 trở đi.

- Các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế đối với nguồn kinh phí do các chủ đầu tư nộp vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

- Đối tượng đất lâm nghiệp trồng rừng thay thế: Đất lâm nghiệp chưa có rừng đã giao cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng bản và các tổ chức theo quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh hiện hành là rừng Phòng hộ và rừng đặc dụng.

b) Phạm vi thực hiện: Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh đối với các hoạt động có liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu loài cây, phương thức và định mức trồng rừng thay thế

3.1. Cơ cấu loài cây trồng

Tập trung trồng chủ yếu một số loài cây bản địa, cây đa mục đích, cây lâm sản ngoài gỗ, cây cho giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng nơi trồng rừng (theo Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục giống cây trồng Lâm nghiệp khuyến khích sử dụng trồng rừng, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 – 2020), Trong đó:

- Loài cây gỗ, gồm: Sơn tra, Thông mã vĩ, Giỏi xanh, Xoan Nhừ, Xoan Đào, Trám, Sấu, Tách, Macca,...;

- Tre: Gồm các loại tre bản địa như: Luông, Lùng, Măng ngọt, Măng đắng...

3.2. Mật độ và phương thức trồng

- Mật độ trồng:

- + Mật độ trồng rừng cây gỗ: 1.600 cây/ha.

- + Mật độ trồng rừng tre: 400 cây/ha.

- Phương thức trồng: Với mục tiêu là phục hồi các hệ sinh thái rừng đa loài Tây Bắc đã và đang bị suy thoái và nâng cao giá trị kinh tế rừng, đem lại nguồn thu nhập từ rừng cho người dân và chủ rừng trong vùng dự án. Trong đó, tập trung vào 02 phương thức trồng rừng thuần loài, hỗn loài (tùy thuộc vào điều kiện lập địa khu vực dự kiến trồng rừng, mục đích phòng hộ hoặc bảo tồn)

3.3. Đơn giá trồng rừng thay thế

- Thực hiện theo khung định mức và Dự toán trồng rừng thay thế cho 01 ha được áp dụng theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 6/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng; Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

- Đối với đơn giá nhân công, cây giống: Tùy thuộc vào thời điểm Chủ đầu tư có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án trồng rừng thay thế mà xác định đơn giá hiện hành theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết có phụ lục khung định mức và dự toán bình quân kèm theo)

4. Thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế

Thực hiện theo khoản 1, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

5. Tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế

Thực hiện theo điểm a, Khoản 5, Điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Cụ thể:

- Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La.

+ Tên tài khoản: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La;

+ Số tài khoản: 102010002048741 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Sơn La.

+ Địa chỉ: Số 93, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La.

6. Điều tiết và sử dụng tiền trồng rừng thay thế

- Việc điều tiết trồng rừng thay thế thực hiện theo điểm a, Khoản 6, điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Việc sử dụng tiền trồng rừng thay thế theo điểm b, đ, e, Khoản 5, điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

7. Tổ chức thực hiện phương án trồng rừng thay thế

Việc tổ chức trồng rừng thay thế được thực hiện theo điểm c, Khoản 6, điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

8. Tiến độ thực hiện

- Năm 2018: Rà soát, đôn đốc các đơn vị đã được chuyển đổi mục đích sử dụng rừng chưa thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng đối với các phương án đã và đang được thực hiện theo kế hoạch phân bổ vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Từ năm 2019 trở đi: Căn cứ vào nhu cầu thực tế của các đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt phương án trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp trình UBND tỉnh phân bổ kế hoạch và kinh phí hàng năm để tổ chức thực hiện.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả Phương án trồng rừng thay thế này trên địa bàn tỉnh; Đồng thời phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc trồng rừng thay thế tại cơ sở và quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí trồng rừng thay thế. Định kỳ (01 năm) báo cáo kết quả thực hiện phương án này trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các phương án trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh điều tiết việc tổ chức trồng rừng thay thế theo điểm a, Khoản 6, điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong thực hiện trồng rừng thay thế đối với các Chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

- Chủ trì thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán trồng rừng thay thế đối với nguồn kinh phí do các Chủ đầu tư nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh; kiểm tra, giám sát và công nhận thành rừng đối với các công trình trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

2. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

- Tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế do các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật và phương án trồng rừng thay thế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư nộp tiền trồng rừng thay thế theo phương án được duyệt; Xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế cho các chủ đầu tư; chuyển kinh phí trồng rừng thay thế cho các đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh giao nhiệm vụ, phân bổ kinh phí cho Ban quản lý rừng hoặc đơn vị, tổ chức có chức năng để trồng rừng thay thế đối với nguồn kinh phí do Chủ đầu tư nộp vào Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; Theo dõi, kiểm tra, giám sát trồng rừng đối với các đơn vị thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017.

3. Sở Tài chính

Chủ trì thẩm định và phê duyệt quyết toán nguồn kinh phí trồng rừng thay thế nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phương án trồng rừng thay thế đối với các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì lựa chọn, bố trí quỹ đất cho trồng rừng thay thế đối với các công trình có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn (bao gồm các diện tích phải trồng rừng thay thế của các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng chưa thực hiện trồng rừng thay thế).

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng kiểm tra, giám sát việc tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn huyện, thành phố quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức nghiệm thu và bàn giao rừng trồng thay thế hết thời gian đầu tư theo quy định của pháp luật; Tiếp nhận diện tích rừng trồng thay thế, quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

5. Các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và các đơn vị được giao thực hiện trồng rừng thay thế

- Các chủ đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện nghiêm nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 và các quy định có liên quan về Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Các đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện trồng rừng thay thế có trách nhiệm thực hiện các quy định về trồng rừng theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BNN&PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh và các quy định của Bộ Tài chính về thanh toán, quyết toán vốn trồng rừng thay thế.

Trên đây là Phương án Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các đơn vị có nhu cầu nộp tiền. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có gì vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung trong Phương án này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động có kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng



Phụ lục 01:

KHUNG ĐỊNH MỨC VÀ DỰ TOÁN BÌNH QUÂN CHI PHÍ TRỰC TIẾP TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG THAY THẾ CHO 01 HA

(Kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền của 1,0 ha	Chi chú
	Tổng (I + II + III + IV)					59.833.648	
I	Chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ năm thứ nhất					24.690.572	(QĐ38/2005/QĐ-BNN của Bộ NN và PTNT)
1	Chi phí nhân công					19.410.572	
	Phát dọn thực bì	m ²	386	10.000	498	4.980.000	Dòng 71 cột c
	Cuốc hố trồng rừng	hố	132	1.600	1.457	2.331.200	Dòng 91, cột b.
	Lấp hố trồng rừng	hố	313	1.600	615	984.000	Dòng 106 cột a
	Vận chuyển cây và trồng	cây	159	1.600	1.210	1.936.000	Dòng 111 cột a
	Trồng dặm (10%)	cây	108	160	1.781	284.960	Dòng 145 cột a
	Phát chăm sóc lần 1	m2	557	10.000	345	3.450.000	Dòng 114 cột h
	Xới đất, vun gốc lần 1	gốc	196	1.600	982	1.571.200	Dòng 125 cột a
	Phát chăm sóc lần 2	m2	845	10.000	228	2.280.000	Dòng 115 cột h
	Xới đất, vun gốc lần 2	gốc	196	1.600	982	1.571.200	Dòng 125 cột a
	Bảo vệ rừng trồng	Ha	8,74	1,00	22.012	22.012	Dòng 155 cột a
2	Chi phí vật tư					5.280.000	
	Cây giống	cây		1.760	3.000	5.280.000	Giá tạm tính tại thời điểm xây dựng
II	Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai					13.893.052	
1	Chi phí nhân công					13.173.052	
	Phát chăm sóc lần 1	m2	557	10.000	345	3.450.000	Dòng 114 cột h
	Phát chăm sóc lần 2	m2	845	10.000	228	2.280.000	Dòng 115 cột h
	Trồng dặm (15%)	cây	108	240	1.781	427.440	Dòng 145 cột a



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền của 1,0 ha	Chi chú
	Phát chăm sóc lần 3	m2	845	10.000	228	2.280.000	Dòng 115 cột h
	Xới đất, vun gốc (lần 1, 2, 3)	gốc	196	4.800	982	4.713.600	Dòng 125 cột a
	Bảo vệ rừng trồng	Ha	8,74	1,00	22.012	22.012	Dòng 155 cột a
2	Chi phí vật tư					720.000	
	Cây giống Sơn tra	cây		240	3.000	720.000	Giá tạm tính tại thời điểm xây dựng
III	Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba					12.785.612	
	Phát chăm sóc lần 1	m2	699	10.000	275	2.750.000	Dòng 116 cột h
	Phát chăm sóc lần 2	m2	725	10.000	265	2.650.000	Dòng 117 cột h
	Phát chăm sóc lần 3	m2	725	10.000	265	2.650.000	Dòng 117 cột h
	Xới đất vun gốc (lần 1, 2, 3)	gốc	196	4.800	982	4.713.600	Dòng 125 cột a
	Bảo vệ rừng trồng	Ha	8,74	1,00	22.012	22.012	Dòng 155 cột a
IV	Chăm sóc, bảo vệ năm thứ tư					8.464.412	
	Phát chăm sóc lần 1	m2	725	10.000	265	2.650.000	Dòng 117 cột h
	Phát chăm sóc lần 2	m2	725	10.000	265	2.650.000	Dòng 117 cột h
	Xới đất, vun gốc (lần 1, 2)	gốc	196	3.200	982	3.142.400	Dòng 125 cột a
	Bảo vệ rừng trồng	Ha	8,74	1,00	22.012	22.012	Dòng 155 cột a

Ghi chú: Đơn giá nhân công (bậc 3) là 192.385 đồng (Theo QĐ số 1869/QĐ-UBND ngày 03/08/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La).



Phụ lục 02:

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN BÌNH QUÂN TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ
RỪNG TRỒNG THAY THẾ TÍNH CHO 01 HA**

(Kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Hạng mục	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+ V)	91.633.562	
I	Chi phí xây dựng	72.437.598	
1	Chi phí trực tiếp	65.391.648	
1.1	Nhân công	59.391.648	
a)	Năm 1	21.112.572	
	Phát dọn thực bì	4.980.000	
	Cuốc hố trồng rừng	2.331.200	
	Lấp hố trồng rừng	984.000	
	Vận chuyển cây và trồng	1.936.000	
	Trồng dặm (10%)	284.960	
	Phát chăm sóc lần 1	3.450.000	
	Xới đất, vun gốc lần 1	1.571.200	
	Phát chăm sóc lần 2	2.280.000	
	Xới đất, vun gốc lần 2	1.571.200	
	Bảo vệ rừng trồng	22.012	
	Phát đường ranh cản lửa	1.702.000	Dòng 71 cột c; Dòng 115 cột h
b	Năm 2	14.517.052	
	Phát chăm sóc	8.010.000	
	Trồng dặm	427.440	
	Xới đất, vun gốc	4.713.600	
	Bảo vệ rừng trồng	22.012	
	Phát đường ranh cản lửa	1.344.000	Dòng 114 cột h; Dòng 115 cột h
c	Năm 3	14.053.612	
	Phát chăm sóc	8.050.000	
	Xới đất, vun gốc	4.713.600	
	Bảo vệ rừng trồng	22.012	
	Phát đường ranh cản lửa	1.268.000	Dòng 116 cột h; Dòng 117 cột h
d	Năm 4	9.708.412	
	Phát chăm sóc	5.300.000	



TT	Hạng mục	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	Xới đất, vun gốc	3.142.400	
	Bảo vệ rừng trồng	22.012	
	Phát đường ranh cản lửa	1.244.000	Dòng 117 cột h; Dòng 117 cột h
1.2	Vật tư, cây giống	6.000.000	
+	Năm thứ nhất	5.280.000	
+	Năm thứ hai	720.000	
2	Chi phí chung (5% chi phí trực tiếp)	3.269.582	TT 23/2016/BNN&PTNT
3	Thu nhập chịu thuế tính trước (bằng 5,5% chi phí trực tiếp + chi phí chung)	3.776.368	TT 23/2016/BNN&PTNT
4	Thuế giá trị gia tăng	-	
II	Chi phí quản lý (3% chi phí xây dựng)	2.173.128	TT 23/2016/BNN&PTNT
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (8%)	5.795.008	
IV	Chi phí khác (4%)	2.897.504	
V	Chi phí dự phòng (10%)	8.330.324	Dự kiến chi cho Quỹ Bảo vệ và PTR theo TT23/2017/TT-BNN

98/

Phụ lục 03:



DỰ TOÁN KINH PHÍ TRỰC TIẾP LÀM ĐƯỜNG BĂNG TRẮNG CẢN LỬA CHO 1 HA TRỒNG RỪNG THAY THẾ

Dài 100m, rộng 20m tương đương với diện tích 0,2ha ; - Thực bì trung bình cấp 3; Cự ly đi làm trung bình 2-3 km

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định định mức, đơn giá
	Tổng (1 + 2 + 3 + 4)					5.558.000	
1	Năm thứ nhất					1.702.000	
	Phát dọn thực bì lần 1	m ²	386	2.000	584	1.168.000	Dòng 71 cột c
	Phát dọn thực bì lần 2	m ²	845	2.000	267	534.000	Dòng 115 cột h
2	Năm thứ hai					1.344.000	
	Phát dọn thực bì lần 1	m ²	557	2.000	405	810.000	Dòng 114 cột h
	Phát dọn thực bì lần 2	m ²	845	2.000	267	534.000	Dòng 115 cột h
3	Năm thứ 3					1.268.000	
	Phát dọn thực bì lần 1	m ²	699	2.000	323	646.000	Dòng 116 cột h
	Phát dọn thực bì lần 2	m ²	725	2.000	311	622.000	Dòng 117 cột h
4	Năm thứ 4					1.244.000	
	Phát dọn thực bì lần 1	m ²	725	2.000	311	622.000	Dòng 117 cột h
	Phát dọn thực bì lần 2	m ²	725	2.000	311	622.000	Dòng 117 cột h

Ghi chú: Đơn giá nhân công (bậc 4) là 225.500đồng (Theo QĐ số 1869/QĐ-UBND ngày 03/08/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La).

